

Bản án số: 44/2024/DS-ST

Ngày: 27 - 8 - 2024

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

2. Ông Nguyễn Văn Khoản

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi - Cán bộ tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa: Ông Trương Văn Sa – kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 113/TLST-DS ngày 27/5/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/QĐXXST -DS ngày 30/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S1. Địa chỉ: Lầu H, 2 N, P.8, Q.3, TP ..

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S1 chi nhánh C, QL14, KP.2. P. H, thị xã C, tỉnh Bình Phước (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trương Sỹ V, sinh năm 1978; Địa chỉ: K.2, P. H, thị xã C, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ngân hàng TMCP S1 – ông Nguyễn Trường S trình bày:

Ngày 07/12/2021, ông Trương Sĩ V1 có ký với Ngân hàng TMCP S1 (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ. Căn cứ Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ Số HDTD: LD 2134100415- VN0011944 của ông Trương Sĩ V1, Ngân hàng đã đồng ý cho vay số tiền là 50.000.000 Trong quá trình vay vốn, từ ngày giải ngân đầu tiên đến nay ông Trương Sĩ V1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn 41.655.000, lãi 6.187.500 hết tháng 03/2023. Từ kỳ trả nợ ngày 07/04/2023 ông

Trương Sĩ V1 không trả nợ cho Ngân hàng đúng hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó ông Trương Sĩ V1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 08/04/2023 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 27/8/2023, ông Trương Sĩ V1 còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 8.345.000 đồng, Lãi quá hạn: 1.620.443 đồng, lãi trong hạn, chậm trả lãi: 1.397.849 đồng. Tổng cộng: 11.363.292 đồng

Ngày 22/03/2023, ông Trương Sĩ V1 có ký với Ngân hàng TMCP S1 (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ. Căn cứ Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ Số HDTD: LD 2308100042 - VN0011944 của ông Trương Sĩ V1, Ngân hàng đã đồng ý cho vay số tiền là 20.000.000 Trong quá trình vay vốn, từ ngày giải ngân đầu tiên đến nay ông Trương Sĩ V1 chưa thanh toán cho ngân hàng khoản gốc và lãi nào. Từ kỳ trả nợ ngày 10/04/2023 ông Trương Sĩ V1 không trả nợ cho Ngân hàng đúng hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó ông Trương Sĩ V1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 11/04/2023 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 27/8/2024, "D_xung_2" ông Trương Sĩ V1 nợ các khoản sau: Nợ gốc: 20.000.000 đồng, lãi quá hạn: 5.993.913 đồng, lãi trong hạn, chậm trả lãi: 2.486.388 đồng. Tổng cộng: 28.480.301 đồng

Căn cứ theo lịch trả nợ của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Trương Sĩ V1, phải thanh toán gốc, lãi phát sinh, tuy nhiên ông Trương Sĩ V1 không thực hiện việc trả nợ theo như cam kết, do đó món vay bị chuyển quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Trương Sĩ V1 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông Trương Sĩ V1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó Ngân hàng TMCP S1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trương Sĩ V1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 27/8/2024 là 39.843.593 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 28.345.000 đồng, lãi: 11.498.593 đồng. Đồng thời, ông Trương Sĩ V1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 28/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đối với bị đơn ông Trương Sĩ V1 Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông V làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông V vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông V được.

Tại phiên Tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp sao kê sổ phụ tiền gửi.

- Bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng, vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình khi tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của

Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình khi tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị gì thêm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 303, 317, 323, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S1. Buộc ông Trương Sỹ V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 tổng số tiền 39.843.593 đồng, trong đó: Đối với Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ Số HĐTD: LD 2134100415 - VN0011944 ký kết ngày 07/12/2021: Nợ gốc: 8.345.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.620.443 đồng; Nợ lãi trong hạn, chậm trả gốc: 1.397.849 đồng. Đối với Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ Số HĐTD: LD 2308100042 - VN0011944 ký kết ngày 22/03/2023: Nợ gốc: 20.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 5.993.913 đồng; Nợ lãi trong hạn, chậm trả gốc: 2.486.388 đồng. Đồng thời ông V phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ Số HĐTD: LD 2134100415 - VN0011944 ký kết ngày 07/12/2021 và Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ Số HĐTD: LD 2308100042 - VN0011944 ký kết ngày 22/03/2023 trên số nợ gốc còn lại tính từ ngày 28/8/2024 cho đến khi trả hết số nợ.

Về án phí: Đề nghị xem xét bị đơn phải chịu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” do Ngân hàng TMCP S1 đứng đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Sỹ V2 cư trú tại KP B, P. H, thị xã C, tỉnh Bình Phước do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trương Sỹ V vắng mặt đến lần thứ 2 mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về hình thức, nội dung và thẩm quyền ký kết của Hợp đồng tín dụng: Các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ngân hàng TMCP S1 và ông Trương Sỹ V trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do đó, về hình thức, nội dung, thẩm quyền ký kết của hợp đồng tín dụng đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số HDTD: LD 2134100415-VN0011944 ký kết ngày 07/12/2021 và Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ Số HDTD: LD 2308100042 - VN0011944 ký kết ngày 22/03/2023 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 và ông Trương Sỹ V là hợp đồng hợp pháp. Vì vậy, các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[2.2]. Về yêu cầu trả nợ:

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong các hợp đồng tín dụng mặc dù đã được Ngân hàng nhiều lần gửi thông báo nợ đến hạn và tiến hành làm việc với ông V, yêu cầu ông V thanh toán nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng theo cam kết tại các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên nhưng đến nay ông V vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ như đã cam kết.

Đối với Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ Số HDTD: LD 2134100415-VN0011944 ký kết ngày 07/12/2021, Ngân hàng TMCP S1 đã giải ngân toàn bộ số tiền vay 50.000.000 cho ông V vào ngày 07/12/2021. Theo hợp đồng thì thời hạn vay là 18 tháng (tức đến ngày 07/6/2022 là đến hạn). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn 41.655.000, lãi 6.187.500 hết tháng 03/2023. Từ kỳ trả nợ ngày 07/04/2023 ông Trương Sĩ V1 không trả nợ cho Ngân hàng đúng hợp đồng tín dụng đã ký kết. Số tiền nợ gốc và lãi đến nay ông V1 vẫn chưa trả hết.

Đối với Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ Số HDTD: LD 2308100042 - VN0011944 ký kết ngày 22/03/2023, Ngân hàng TMCP S1 đã giải ngân toàn bộ số tiền vay 20.000.000 cho ông V1 vào ngày 22/3/2023. Theo hợp đồng thì thời hạn vay là 12 tháng (tức đến ngày 22/3/2024 là đến hạn). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông V1 chưa thanh toán được khoản tiền nào, không trả nợ cho Ngân hàng đúng hợp đồng tín dụng đã ký kết. Số tiền nợ gốc và lãi đến nay ông V1 vẫn chưa trả.

Như vậy, ông V1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại điều 466 Bộ Luật dân sự 2015.

Về lãi suất: Do ông V1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên thành khoản nợ quá hạn và buộc ông V1 phải trả lãi theo hợp đồng tín dụng. Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất và đề nghị ông V1 phải trả là phù hợp với quy định về lãi suất và lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng, phù hợp với

khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên HĐXX chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông V1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng tổng số tiền: 39.843.593 đồng, trong đó:

Đối với Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số HĐTD: LD 2134100415 - VN0011944 ký kết ngày 07/12/2021: Nợ gốc: 8.345.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.620.443 đồng; Nợ lãi trong hạn, chậm trả gốc: 1.397.849 đồng

Đối với Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số HĐTD: LD 2308100042 - VN0011944 ký kết ngày 22/03/2023: Nợ gốc: 20.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 5.993.913 đồng; Nợ lãi trong hạn, chậm trả gốc: 2.486.388 đồng

Đồng thời ông V1 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số HĐTD: LD 2134100415 - VN0011944 ký kết ngày 07/12/2021 và Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số HĐTD: LD 2308100042 - VN0011944 ký kết ngày 22/03/2023 trên số nợ gốc còn lại tính từ ngày 28/8/2024 cho đến khi trả hết số nợ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm

Bị đơn ông Trương Sỹ V phải chịu án phí theo mức án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn là 1.922.179 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 303, 317, 323, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S1.

Buộc ông Trương Sỹ V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 tổng số tiền 39.843.593 đồng, trong đó:

Đối với Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số HDTD: LD 2134100415 - VN0011944 ký kết ngày 07/12/2021: Nợ gốc: 8.345.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.620.443 đồng; Nợ lãi trong hạn, chậm trả gốc: 1.397.849 đồng

Đối với Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số HDTD: LD 2308100042 - VN0011944 ký kết ngày 22/03/2023: Nợ gốc: 20.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 5.993.913 đồng; Nợ lãi trong hạn, chậm trả gốc: 2.486.388 đồng

Đồng thời ông V phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số HDTD: LD 2134100415 - VN0011944 ký kết ngày 07/12/2021 và Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số HDTD: LD 2308100042 - VN0011944 ký kết ngày 22/03/2023 trên số nợ gốc còn lại tính từ ngày 28/8/2024 cho đến khi trả hết số nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Sỹ V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 1.922.179 đồng. Ngân hàng TMCP S1 không phải chịu án phí. Ngân hàng thương mại cổ phần S1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 923.148 đồng theo biên lai thu tiền án số 0004251 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND tỉnh – VKSND tỉnh;
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Cơ quan THADS thị xã Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS+VT.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ung Thị Ngọc Thanh

